TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27- 4 - 2023
"Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Tứ Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan và bà Nguyễn Thị Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hường, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Ngọc, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 136/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Chị Võ Thị H, sinh năm 1977; địa chỉ: Tổ B, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai; vắng mặt (chị H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

- ***Bị đơn***: Anh Lê Văn H1, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ B, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/10/2022, bản tự khai ngày 12/10/2022, biên bản lấy lời khai 23/12/2022 nguyên đơn chị Võ Thị H trình bày:

Chị Võ Thị H và anh Lê Văn H1 đăng ký kết hôn vào ngày 29 tháng 01 năm 2007 tại Ủy ban nhân dân phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Việc chị H và anh H1 kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Trước khi đăng ký kết hôn chị H và anh H1 đã

chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 01 năm 2003 tại quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời điểm này anh H1 đã có vợ nhưng chị H không biết. C sống với nhau đến khoảng tháng 4 năm 2003 chị H mới biết anh H1 đã có vợ là chị Lê Thị H2 vì chị H2 vào nơi chị H và anh H1 chung sống để tìm anh H1. Theo anh H1 trước đó anh H1 và chị H2 đã mâu thuẫn trầm trọng nên sau khi chị H2 vào Thành phố Hồ Chí Minh tìm anh H1 thì anh H1 và chị H2 đã yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Khoảng tháng 6 năm 2003 chị H và anh H1 về A làm ăn sinh sống và ở chung với cha đẻ của chị H là ông Võ Ngọc T ở phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Đến năm 2005 chị H và anh H1 mới mua nhà ở riêng tại Tổ B phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Chị H và anh H1 chung sống với nhau như vợ chồng kể từ tháng 01 năm 2003 cho đến khi kết hôn. Trong cuộc sống hôn nhân giữa chị H và anh H1 thường phát sinh mâu thuẫn. Năm 2019 chị H đã yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng sau khi được Tòa án hòa giải đã rút đơn khởi kiện. Năm 2021 do chị H làm ăn bị người khác lừa mất hết tiền nên bị anh H1 chửi và đánh đập. Theo chị H do làm ăn thua lỗ, kinh tế gia đình gặp khó khăn nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn gay gắt, không có sự tôn trọng, thông cảm với nhau mà thường xuyên mâu thuẫn, kình cãi ảnh hưởng nghiêm trọng đến con cái và không có khả năng hàn gắn. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H yêu cầu ly hôn với anh Lê Văn H1.

Về nuôi con chung: Chị và anh H1 có 03 người con chung là cháu Lê N, sinh ngày 16/12/2003, cháu Lê Yến N1, sinh ngày 28/11/2006 và cháu Lê Yến N2, sinh ngày 02/10/2010. Chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi các cháu Lê Yến N1, Lê Yến N2 và không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Lê N hiện nay đã đủ 18 tuổi trưởng thành nên tùy cháu lựa chọn.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị H khai chị và anh H1 hiện nay không có tài sản chung và không có nghĩa vụ chung về tài sản nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời khai của bị đơn Lê Văn H1 tại bản khai ngày 19 tháng 12 năm 2022 có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa anh H1 trình bày: Anh và chị Võ Thị H tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thị xã A vào ngày 29 tháng 01 năm 2007. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng cư trú tại Tổ B, phường A, thị xã A. Trong quá trình chung sống giữa anh H1 và chị H không cùng chung quan điểm, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn với nhau cho nên hai người không sống chung được. Trong thời gian anh H1 đi làm ăn xa chị H ở nhà làm ra nợ nần và tự lấy tài sản chung đi cầm cố mà chưa có sự đồng ý của anh H1. Chị H yêu cầu ly hôn để chiếm hết tài sản chung nên anh H1 không đồng ý ly hôn. Anh H1 yêu cầu

chị H phải phân chia tài sản rõ ràng trước khi ly hôn. Chị H đã bỏ nhà đi không biết đi đâu, tính đến ngày 19/12/2022 là 12 tháng, anh H1 là người trực tiếp nuôi các con. Anh H1 yêu cầu Tòa án không được giải quyết cho ly hôn nếu không có sự đồng ý của anh.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa thể hiện:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn Võ Thị H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Lê Văn H1 nhiều lần không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Võ Thị H về việc ly hôn với anh Lê Văn H1. Không chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi các cháu Lê Yến N1, Lê Yến N2 của chị Võ Thị H. Giao cho anh Lê Văn H1 tiếp tục nuôi các cháu Lê Yến N1, Lê Yến N2. Đối với cháu Lê N hiện nay đã đủ 18 tuổi nên không xét người trực tiếp nuôi con. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong quá trình giải quyết vụ án anh H1 yêu cầu chị H phải phân chia tài sản rõ ràng trước khi ly hôn. Nhưng anh H1 không yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung theo quy định của pháp luật. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không xét về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản trong vụ án này, mà giải quyết bằng vụ án khác theo thủ tục tố tụng dân sự khi đương sự có yêu cầu. Về án phí: Buộc chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Nguyên đơn chị Võ Thị H yêu cầu ly hôn và có tranh chấp về nuôi con với anh Lê Văn H1 có địa chỉ: Tổ B, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thị xã A là Tòa án có thẩm quyền thụ lý và giải quyết tranh chấp nói trên.

- Do nguyên đơn chị Võ Thị H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Trên cơ sở lời khai của các đương sự, giấy chứng nhận kết hôn và các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án đã đủ cơ sở kết luận: Chị Võ Thị H và anh Lê Văn H1 kết hôn vào ngày 29 tháng 01 năm 2007 tại Ủy ban nhân dân phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Trước khi đăng ký kết hôn chị H và anh H1 đã chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 01 năm 2003. Việc kết hôn của chị H và anh H1 là hoàn toàn tự nguyện, đúng pháp luật, không bị lừa dối, ép buộc, không vi phạm điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh H1 là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị Võ Thị H: Theo chị H do làm ăn thua lỗ, kinh tế gia đình gặp khó khăn nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn gay gắt, không có sự tôn trọng, thông cảm với nhau mà thường xuyên mâu thuẫn, kình cãi ảnh hưởng nghiêm trọng đến con cái và không có khả năng hàn gắn. Lời khai của chị H là phù hợp với lời khai của anh H1, vì theo anh H1, trong quá trình chung sống giữa anh H1 và chị H không cùng chung quan điểm, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn với nhau cho nên hai người không sống chung được. Hiện nay, chị H và anh H1 đã sống ly thân với nhau. Mặt khác, năm 2019 chị H đã yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nhưng sau đó rút đơn khởi kiện và được Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án theo Quyết định số 45/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2019. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh H1 thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Thị H với anh Lê Văn H1.

Ly hôn là quyền nhân thân trong hôn nhân và gia đình của cá nhân theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật Dân sự. Theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình thì "*Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn*". Khi vợ hoặc chồng có yêu cầu ly hôn nếu xét thấy tình trạng hôn nhân thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được thì Tòa án giải quyết cho ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, việc anh H1 yêu cầu Tòa án không được giải quyết cho ly hôn nếu không có sự đồng ý của anh là không có căn cứ.

[4] Về việc nuôi con chung: Chị H và anh H1 có 03 người con chung là cháu Lê N, sinh ngày 16/12/2003, cháu Lê Yến N1, sinh ngày 28/11/2006 và cháu Lê Yến N2, sinh ngày 02/10/2010. Trong đó, cháu Lê N và cháu Lê Yến N1 sinh ra

trước thời kỳ hôn nhân nhưng chị H và anh H1 đều khai là con chung của chị H và anh H1. Chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi các cháu Lê Yến N1, Lê Yến N2 và không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con. Theo lời khai của chị H thì hiện nay chị đang làm việc và thuê nhà trọ tại Thành phố Hồ Chí Minh không có địa chỉ ổn định. Mặt khác, theo lời khai của anh H1 và ý kiến của đại diện Tổ dân phố 2 phường A tại biên bản xác minh ngày 07/12/2022 của Tòa án thì từ khi chị H bỏ nhà đi đến nay anh H1 là người trực tiếp nuôi các cháu Lê Yến N1 và Lê Yến N2. Việc giao cho chị H trực tiếp nuôi các cháu Lê Yến N1 và Lê Yến N2 sẽ gây xáo trộn cuộc sống và ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của các cháu. Vì vậy, không chấp nhận yêu cầu của chị H về việc được trực tiếp nuôi các cháu Lê Yến N1 và Lê Yến N2. Đồng thời giao các cháu Lê Yến N1 và Lê Yến N2 cho anh H1 tiếp tục nuôi dưỡng. Đối với cháu Lê N hiện nay đã đủ 18 tuổi trưởng thành và tự lực được nên Hội đồng xét xử không xét người trực tiếp nuôi con.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi của chị H mà giao cho anh H1 trực tiếp nuôi con. Nhưng do anh H1 không đồng ý ly hôn nên không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét việc cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị H khai chị và anh H1 hiện nay không có tài sản chung và không có nghĩa vụ chung về tài sản nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại bản khai ngày 19 tháng 12 năm 2022 và tại phiên tòa, anh Lê Văn H1 cho rằng chị H yêu cầu ly hôn để chiếm hết tài sản chung nên anh H1 không đồng ý ly hôn. Anh H1 yêu cầu chị H phải phân chia tài sản rõ ràng trước khi ly hôn. Nhưng anh H1 không thực hiện quyền yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án anh H1 nhiều lần không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án để làm rõ yêu cầu của mình và thực hiện quyền yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung khi ly hôn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xét về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản trong vụ án này, mà giải quyết bằng vụ án khác theo thủ tục tố tụng dân sự khi đương sự có yêu cầu.

[7] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Võ Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Anh Lê Văn H1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Võ Thị H, cho chị Võ Thị H được ly hôn với anh Lê Văn H1.

2. Về nuôi con chung: Không chấp nhận yêu cầu của chị Võ Thị H về việc được trực tiếp nuôi các cháu Lê Yến N1 và Lê Yến N2.

Giao cho anh Lê Văn H1 trực tiếp nuôi con chung là cháu Lê Yến N1, sinh ngày 28/11/2006 và cháu Lê Yến N2, sinh ngày 02/10/2010 khi cháu N1 và cháu N2 chưa thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Võ Thị H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011907 ngày 12 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A; chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Lê Văn H1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (27/4/2023), các đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm. Đối với các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai
-VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX An Khê;
- UBND p. An Tân (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Tứ Hải

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân		Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
Trần Thị Kia	**Phạm Thị Huê**	**Bùi Tứ Hải**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai
-VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX An Khê;
- UBND p. An Phú (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Tứ Hải

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân		**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**
Võ Anh Tài	**Phạm Hòa Bình**	**Bùi Tứ Hải**